

THÔNG TƯ

Quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản (sau đây gọi là đề tài) do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (sau đây gọi là Quỹ) tài trợ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam; tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam có chức năng nghiên cứu khoa học; tổ chức nước ngoài tham gia hợp tác nghiên cứu với tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam (sau đây gọi là tổ chức khoa học và công nghệ).

b) Cá nhân nhà khoa học là công dân Việt Nam; nhà khoa học nước ngoài tham gia hợp tác nghiên cứu với tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân nhà khoa học Việt Nam.

c) Các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật* bao gồm khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược và khoa học nông nghiệp.

2. *Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn* bao gồm khoa học xã hội và khoa học nhân văn.

3. Tạp chí quốc tế có uy tín

a) Đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, tạp chí quốc tế có uy tín là các tạp chí khoa học được lựa chọn từ danh mục SCI (Science Citation Index) và SCIE (Science Citation Index Expanded) của Viện Thông tin khoa học Quốc tế (Hoa Kỳ), được Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở tư vấn của các Hội đồng khoa học ngành.

b) Đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, tạp chí quốc tế có uy tín là các tạp chí thuộc các danh mục sau đây:

- Danh mục AHCI (Arts and Humanities Citation Index) hoặc SSCI (Social Science Citation Index) của Viện Thông tin khoa học Quốc tế (Hoa Kỳ);

- Tạp chí khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn thuộc cơ sở dữ liệu Scopus của Elsevier;

- Tạp chí khoa học quốc tế trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn được Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở kiến nghị của các Hội đồng khoa học ngành, liên ngành.

4. Tạp chí ISI có uy tín

a) Đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, tạp chí ISI có uy tín là các tạp chí khoa học chất lượng hàng đầu của các ngành thuộc lĩnh vực, được lựa chọn từ tạp chí quốc tế có uy tín, được Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở tư vấn của các Hội đồng khoa học ngành.

b) Đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, tạp chí ISI có uy tín là các tạp chí thuộc các danh mục AHCI (Arts and Humanities Citation Index) hoặc SSCI (Social Science Citation Index) của Viện Thông tin khoa học Quốc tế (Hoa Kỳ).

5. *Tạp chí quốc gia có uy tín* là các tạp chí khoa học được Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở kiến nghị của các Hội đồng khoa học ngành, liên ngành.

6. *Nhóm nghiên cứu mạnh* là tập thể các nhà khoa học xây dựng được hướng nghiên cứu chung, dài hạn; có mục tiêu, kế hoạch nghiên cứu cho từng giai đoạn cụ thể; nội dung nghiên cứu có tính đột phá và cần nhiều thành viên

tham gia thực hiện. Các thành viên chủ chốt của nhóm có kết quả nghiên cứu nổi bật (theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Thông tư này).

Điều 3. Mục tiêu tài trợ

1. Tạo môi trường nghiên cứu thuận lợi nhằm thúc đẩy nghiên cứu khoa học cơ bản trong các tổ chức khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

2. Nâng cao năng lực nghiên cứu, hình thành các tập thể nghiên cứu mạnh; góp phần đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao.

3. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, hướng tới chuẩn mực quốc tế.

4. Thúc đẩy hợp tác và hội nhập quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

Điều 4. Các đề tài được Quỹ tài trợ

Quỹ xem xét tài trợ các đề tài nghiên cứu cơ bản do tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân nhà khoa học đề xuất, phù hợp với các hướng nghiên cứu cơ bản do Quỹ công bố, bao gồm:

1. Đề tài mang tính thăm dò, khám phá;

2. Đề tài nhằm phát triển các hướng nghiên cứu đã đạt được những kết quả bước đầu, các nghiên cứu chuyên sâu đã được thực hiện tại Việt Nam.

Điều 5. Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu

Quỹ tài trợ thực hiện các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế trong nghiên cứu cơ bản dưới các hình thức sau đây:

1. Hợp tác nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài phục vụ các nội dung nghiên cứu của đề tài (không quá 06 tháng);

2. Tiếp chuyên gia nước ngoài đến Việt Nam làm việc, hợp tác nghiên cứu liên quan đến nội dung đề tài.

Chương II

NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ, CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 6. Nguyên tắc đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả đề tài

Quỹ thực hiện việc đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả đề tài theo các nguyên tắc sau đây:

1. Đánh giá bởi các chuyên gia cùng ngành, liên ngành thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Hội đồng khoa học) do Quỹ thành lập và chuyên gia tư vấn độc lập (khi cần thiết);

2. Đánh giá dựa trên hồ sơ;

3. Đảm bảo tính khách quan, dân chủ, bình đẳng;

4. Tiếp cận các chuẩn mực quốc tế.

Điều 7. Chuyên gia đánh giá

1. Chuyên gia đánh giá là các nhà khoa học được Quỹ mời tư vấn trong các hoạt động đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả thực hiện đề tài do Quỹ tài trợ. Chuyên gia đánh giá phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:

a) Thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ;

b) Có kết quả nghiên cứu chuyên môn phù hợp được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật), trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc sách chuyên khảo (đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) trong 05 năm gần nhất. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

c) Có điều kiện tham gia công việc tư vấn với trách nhiệm cao, trung thực, khách quan.

2. Trong trường hợp cần thiết, Quỹ mời nhà khoa học nước ngoài, nhà khoa học người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ làm chuyên gia đánh giá độc lập hoặc tham gia Hội đồng khoa học do Quỹ thành lập để đánh giá đề tài, tư vấn về các hoạt động của Quỹ.

Chuyên gia đánh giá là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia các hoạt động của Quỹ phải đáp ứng được tiêu chí lựa chọn chuyên gia đánh giá nêu tại các điểm b, c Khoản 1 Điều này và được hưởng các chế độ theo quy định.

3. Chuyên gia đánh giá có chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài được đánh giá; chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn, đánh giá của mình; giữ bí mật thông tin liên quan về đề tài.

4. Chuyên gia đánh giá không tham gia đánh giá đề tài do mình đăng ký làm chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện, đề tài do tổ chức nơi mình công tác đăng ký chủ trì, đề tài có quyền và lợi ích liên quan hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của kết quả đánh giá.

5. Cơ quan Điều hành Quỹ xây dựng và trình Hội đồng Quản lý Quỹ phê duyệt cơ sở dữ liệu chuyên gia của Quỹ theo các tiêu chí nêu tại điểm b, c Khoản 1 Điều này để phục vụ việc đánh giá đề tài.

Điều 8. Hội đồng khoa học

1. Hội đồng khoa học được thành lập theo ngành hoặc liên ngành khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ đề tư vấn cho Quỹ về các vấn đề sau đây:

a) Hướng nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ;

b) Đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả thực hiện các đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ;

c) Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2. Thành viên Hội đồng khoa học được lựa chọn theo các tiêu chí sau đây:
 - a) Tiêu chí như đối với chuyên gia đánh giá quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 7 Thông tư này;
 - b) Được các nhà khoa học cùng ngành tín nhiệm giới thiệu;
 - c) Có cam kết tham gia và thực hiện các quy định của Quỹ.
3. Hội đồng khoa học có nhiệm kỳ 02 năm. Thành viên tham gia Hội đồng khoa học không quá 03 nhiệm kỳ liên tục.
4. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ thành lập Hội đồng khoa học khác để đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả đề tài cụ thể.
5. Hội đồng quản lý Quỹ quy định quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học.

Chương III ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Điều 9. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài

1. Hằng năm, Quỹ thông báo các hướng nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ, hướng dẫn về điều kiện, thủ tục có liên quan và thời hạn nộp hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử của Quỹ.
2. Căn cứ thông báo của Quỹ, các tổ chức, cá nhân nhà khoa học đề xuất đề tài, lập Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài và gửi đến Quỹ theo quy định.
3. Hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo mẫu được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:
 - a) Đơn đăng ký đề tài nghiên cứu cơ bản (Mẫu NCCB01, NCCB01E);
 - b) Thuyết minh đề tài nghiên cứu cơ bản (Mẫu NCCB02, NCCB02E);
 - c) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề tài và từng thành viên nhóm nghiên cứu (Mẫu NCCB03, NCCB03E) cùng với các tài liệu chứng minh thành tích nghiên cứu;
 - d) Tài liệu chứng minh về việc đào tạo nghiên cứu sinh;
 - đ) Phiếu khai hồ sơ (Mẫu NCCB04);
 - e) Tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của Quỹ.
4. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được lập theo các biểu mẫu kèm theo Thông tư này; có xác nhận của cơ quan công tác, tổ chức chủ trì hoặc bảo trợ và được nộp trong thời hạn theo thông báo của Quỹ.

Điều 10. Điều kiện đối với tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài

1. Đối với tổ chức chủ trì đề tài:
 - a) Các tổ chức khoa học và công nghệ có đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài;

b) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của tổ chức chủ trì đối với các đề tài đã được Quỹ tài trợ quy định tại Khoản 1 và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Thông tư này.

2. Đối với chủ nhiệm đề tài:

a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung nghiên cứu đề tài, đang làm công tác nghiên cứu tại một tổ chức khoa học và công nghệ. Trường hợp chủ nhiệm đề tài không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ nào, phải được một tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam uy tín trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp bảo trợ và chấp nhận làm tổ chức chủ trì;

b) Có năng lực nghiên cứu đáp ứng yêu cầu của đề tài: có học vị tiến sĩ hoặc học hàm phó giáo sư, giáo sư và có kết quả nghiên cứu chuyên ngành phù hợp được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Có đủ thời gian để hoàn thành nội dung nghiên cứu của đề tài theo quy định. Trường hợp chủ nhiệm đề tài đi công tác, làm việc tại nước ngoài, tổng thời gian ở nước ngoài không quá 1/3 thời gian thực hiện đề tài;

d) Không vi phạm các điều kiện đăng ký chủ trì, tham gia đề tài theo quy định tại Khoản 5 Điều 19 Thông tư này.

3. Thành viên nhóm nghiên cứu đề tài phải có trình độ chuyên môn và kỹ năng phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài, bao gồm:

a) Thành viên nghiên cứu chủ chốt, thư ký khoa học: có học vị tiến sĩ hoặc học hàm phó giáo sư, giáo sư và có kết quả nghiên cứu phù hợp được công bố trên các tạp chí quốc gia hoặc quốc tế có uy tín trong 05 năm tính đến thời điểm kết thúc nhận hồ sơ.

Trường hợp là thạc sĩ phải có kết quả nghiên cứu phù hợp, có 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín hoặc 02 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín hoặc 01 sách chuyên khảo đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn trong 05 năm tính đến thời điểm kết thúc nhận hồ sơ;

b) Nghiên cứu sinh tham gia thực hiện đề tài phải có nội dung luận án phù hợp với đề tài, có quyết định giao đề tài luận án không quá 24 tháng tính đến thời điểm kết thúc nhận hồ sơ;

c) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ khác.

4. Đối với nhóm nghiên cứu mạnh, ngoài các yêu cầu quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều này, phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Chủ nhiệm đề tài có kết quả công bố trên các tạp chí ISI có uy tín phù hợp trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ, có khả năng tập hợp được nhiều nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao tham gia thực hiện đề tài, duy trì được hợp tác nghiên cứu khoa học thường xuyên với các nhóm nghiên cứu quốc tế cùng ngành, liên ngành;

b) Có ít nhất 02 thành viên nghiên cứu chủ chốt của đề tài đáp ứng yêu cầu của chủ nhiệm đề tài nêu tại Khoản 2 Điều này;

c) Tổ chức chủ trì đề tài có đủ điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật, năng lực nghiên cứu và cam kết hỗ trợ trong thời gian thực hiện nghiên cứu.

5. Mỗi cá nhân được đồng thời tham gia không quá 02 đề tài trong đó làm chủ nhiệm không quá 01 đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ.

Điều 11. Yêu cầu về thời gian thực hiện và kết quả nghiên cứu của đề tài

1. Thời gian thực hiện đề tài

a) Đối với đề tài nghiên cứu lý thuyết, thời gian thực hiện không quá 24 tháng.

b) Đối với đề tài nghiên cứu thực nghiệm, thời gian thực hiện không quá 36 tháng.

c) Đối với đề tài do nhóm nghiên cứu mạnh thực hiện, căn cứ đề xuất của chủ nhiệm đề tài và kiến nghị của Hội đồng Khoa học, Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định thời gian phù hợp để thực hiện đề tài.

2. Kết quả nghiên cứu của đề tài trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật phải có ít nhất 02 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín và 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín.

3. Kết quả nghiên cứu của đề tài trong lĩnh vực xã hội và nhân văn phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau đây:

a) Có ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín và 02 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín;

b) Có ít nhất 02 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín.

Trường hợp vấn đề nghiên cứu không thể công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín, kết quả đề tài phải có ít nhất 01 sách chuyên khảo (đã xuất bản hoặc dưới dạng bản thảo được đánh giá đủ điều kiện để xuất bản) và 02 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín. Hội đồng khoa học đề xuất các trường hợp này để Quỹ xem xét, quyết định.

4. Đề tài mang tính thăm dò, khám phá, kết quả nghiên cứu phải có ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín.

5. Đề tài do nhóm nghiên cứu mạnh thực hiện, kết quả nghiên cứu phải có ít nhất 02 bài báo công bố trên tạp chí ISI có uy tín và 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc gia có uy tín.

6. Chủ nhiệm đề tài là tác giả chính (đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật), tác giả (đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn và không thuộc trường hợp vấn đề nghiên cứu không thể công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín nêu tại khoản 3 Điều này) của ít nhất 01 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín là kết quả của đề tài.

7. Công trình công bố quy định tại Điều này phải chú thích là kết quả nghiên cứu của đề tài được Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.

Chương IV **ĐÁNH GIÁ XÉT CHỌN ĐỀ TÀI**

Điều 12. Phương thức, tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài

1. Quỹ thực hiện việc đánh giá xét chọn đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

2. Tiêu chí đánh giá xét chọn đề tài:

a) Sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu và sự phù hợp với hướng nghiên cứu cơ bản được Quỹ tài trợ;

b) Tính mới, tính sáng tạo của vấn đề nghiên cứu được đề xuất;

c) Mục tiêu, nội dung rõ ràng; phương pháp và kế hoạch nghiên cứu phù hợp để đạt được mục tiêu;

d) Năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu của chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì phục vụ nghiên cứu;

đ) Kết quả dự kiến; khả năng thành công của đề tài; ý nghĩa khoa học và triển vọng ứng dụng kết quả nghiên cứu;

e) Đóng góp đào tạo sau đại học;

g) Dự toán kinh phí nghiên cứu hợp lý.

3. Phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại các phiên họp đánh giá xét chọn đề tài do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.

Điều 13. Phê duyệt và công bố danh mục đề tài được tài trợ

1. Cơ quan điều hành Quỹ lập báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá xét chọn đề tài, nhận xét về sự phù hợp của quá trình đánh giá và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

2. Căn cứ báo cáo của Cơ quan điều hành Quỹ về kết quả đánh giá xét chọn đề tài và khả năng tài chính của Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt các đề tài được Quỹ tài trợ.

Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.

3. Quỹ công bố danh mục các đề tài được tài trợ trên Cổng thông tin điện tử của Quỹ.

Điều 14. Thẩm định hồ sơ và phê duyệt kinh phí đề tài

1. Thẩm định hồ sơ đề tài

Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức thẩm định nội dung thuyết minh đề cương và dự toán kinh phí của đề tài theo quy định của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Phê duyệt kinh phí đề tài

a) Căn cứ kết quả thẩm định, Cơ quan Điều hành Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt kinh phí của các đề tài.

b) Cơ quan điều hành Quỹ gửi Thông báo tài trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết đến tổ chức, cá nhân được nhận tài trợ để hoàn thiện thuyết minh đề tài theo nội dung và kinh phí được phê duyệt.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

Điều 15. Hợp đồng nghiên cứu khoa học

1. Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành thỏa thuận, ký hợp đồng nghiên cứu khoa học (sau đây gọi là hợp đồng) với chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì theo danh mục kinh phí đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Hợp đồng được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NCCB05). Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài trước khi ký kết hợp đồng.

2. Trong thời gian 03 tháng kể từ thời điểm Cơ quan điều hành Quỹ gửi Thông báo tài trợ, nếu chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì không hoàn thiện thuyết minh đề tài và hợp đồng, Cơ quan điều hành Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định huỷ bỏ việc tài trợ đối với đề tài.

3. Hợp đồng là căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện, kiểm tra, đánh giá đề tài và giải quyết các vi phạm liên quan đến đề tài. Thuyết minh đề tài sau khi được phê duyệt và các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện (nếu có) là bộ phận không tách rời của hợp đồng.

4. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu dự kiến có thay đổi trong nội dung hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản để Quỹ xem xét, quyết định.

Điều 16. Báo cáo và kiểm tra định kỳ

1. Căn cứ tiến độ, nội dung nghiên cứu ghi trong hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì lập Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài, tình hình sử dụng kinh phí của đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NCCB06, Mẫu NCCB07), gửi Cơ quan điều hành Quỹ theo quy định.

2. Quỹ tổ chức đánh giá định kỳ về tiến độ, kết quả thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của đề tài thông qua Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện đề tài; trong trường hợp đề tài chậm tiến độ hoặc các trường hợp cần thiết khác, Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện đề tài.

Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản có xác nhận của các bên liên quan.

3. Kết quả đánh giá định kỳ và kiểm tra thực tế được thông báo tới chủ nhiệm đề tài và là căn cứ để quyết định việc tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Đối với đề tài vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, Quỹ xem xét mức độ vi phạm để xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 17. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài

1. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài bao gồm các nội dung sau:

a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (Mẫu NCCB08);

b) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đề tài (Mẫu NCCB07);

c) Phụ lục về kết quả công bố và các kết quả khác của đề tài.

2. Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có trách nhiệm xây dựng và gửi Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài tới Quỹ trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng (kể cả thời gian gia hạn nếu có).

Trong trường hợp chủ nhiệm đề tài hoàn thành sớm đề tài nghiên cứu so với hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì có quyền đề nghị Quỹ tổ chức nghiệm thu trước thời hạn.

3. Trường hợp đề tài không có khả năng hoàn thành đúng thời hạn theo hợp đồng, chậm nhất 60 ngày trước khi kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài phải báo cáo bằng văn bản, giải trình lý do và kiến nghị về việc gia hạn thực hiện đề tài gửi Cơ quan điều hành Quỹ kèm theo báo cáo tình hình thực hiện đề tài đến thời điểm đề nghị gia hạn thực hiện.

Trong thời hạn 30 ngày, Cơ quan điều hành Quỹ xem xét và có văn bản trả lời về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn thực hiện đề tài. Thời gian gia hạn tối đa 12 tháng.

4. Thời gian chờ công bố: Đối với các đề tài đã hoàn thành các nội dung nghiên cứu và gửi báo cáo kết quả thực hiện của đề tài theo thời hạn quy định nhưng bài báo quốc tế là kết quả công bố của đề tài chưa được đăng hoặc chấp nhận đăng chính thức, trong thời gian 12 tháng sau khi kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng (kể cả thời gian gia hạn nếu có), chủ nhiệm đề tài cập nhật kết quả công bố bài báo trên tạp chí quốc tế có uy tín để Quỹ tiến hành nghiệm thu đề tài theo quy định.

Điều 18. Đánh giá kết quả đề tài

1. Quỹ tổ chức đánh giá kết quả đề tài thông qua Hội đồng khoa học quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

2. Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài;

b) Các bài báo đăng trên tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học, sách chuyên khảo đã được xuất bản và các sản phẩm khoa học khác (nếu có);

c) Thuyết minh đề tài;

d) Hợp đồng;

đ) Các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

3. Tiêu chí đánh giá kết quả đề tài:

a) Mức độ đạt được mục tiêu nghiên cứu, kết quả nghiên cứu;

b) Kết quả công bố: bài báo công bố trên tạp chí quốc tế và quốc gia có uy tín; bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế, quốc gia khác, báo cáo khoa học trình bày tại hội nghị, hội thảo khoa học; sách chuyên khảo; bằng độc quyền sáng chế (nếu có);

Các kết quả công bố được công nhận là kết quả của đề tài phải được công bố trong thời gian thực hiện hợp đồng và thời gian gia hạn, chờ công bố (nếu có).

Bài báo công bố trên tạp chí ISI có uy tín được xem xét thay thế cho 02 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín;

c) Kết quả khác của đề tài: đào tạo sau đại học, hợp tác nghiên cứu;

d) Tổ chức thực hiện và việc sử dụng kinh phí đề tài theo hợp đồng.

4. Phương thức làm việc của Hội đồng khoa học tại phiên họp đánh giá kết quả đề tài do Hội đồng quản lý Quỹ quy định.

Cơ quan Điều hành Quỹ tổng hợp kết quả đánh giá kết quả đề tài, trình Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định công nhận. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.

Điều 19. Công nhận và xử lý đánh giá kết quả đề tài

1. Trên cơ sở đánh giá kết quả đề tài của Hội đồng khoa học, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện với Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Quỹ quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài trên cơ sở đánh giá kết quả đề tài của Hội đồng khoa học, giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thông báo đến tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài.

3. Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài là căn cứ để tiến hành thủ tục thanh, quyết toán tài chính và thanh lý hợp đồng.

4. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài và các thành viên nhóm nghiên cứu của đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ tài trợ được công nhận về thành tích nghiên cứu tương đương với thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

5. Đề tài được đánh giá ở mức không đạt hoặc bị đình chỉ hợp đồng thì được xử lý theo quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

Trường hợp đề tài không đạt, chủ nhiệm đề tài không được đăng ký chủ trì nghiên cứu đề tài mới trong thời gian 02 năm kể từ ngày thông báo kết quả.

Trường hợp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm đạo đức khoa học, chủ nhiệm đề tài và những người liên quan không được tham gia đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 05 năm kể từ ngày có quyết định xử lý vi phạm.

Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì đề tài

1. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì đề tài:

a) Hỗ trợ và tạo điều kiện để chủ nhiệm đề tài hoàn thiện hồ sơ đề nghị tài trợ; cùng chủ nhiệm đề tài ký kết hợp đồng thực hiện đề tài với Cơ quan điều hành Quỹ;

b) Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục; cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn nhân lực theo hợp đồng để nhóm nghiên cứu triển khai thực hiện đề tài một cách hiệu quả;

c) Tiếp nhận, hỗ trợ chủ nhiệm đề tài trong việc quản lý sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí được Quỹ tài trợ theo đúng quy định; xác nhận tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí đề tài, đảm bảo hồ sơ chứng từ trước Quỹ và các cơ quan chức năng của Nhà nước;

d) Cung cấp đầy đủ thông tin cho Quỹ và các cơ quan khác có liên quan trong việc giám sát, kiểm tra và thanh tra đối với đề tài;

đ) Cùng với chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện đề tài;

e) Sử dụng chi phí quản lý từ kinh phí của đề tài cho các hoạt động quản lý chung, tài chính và hành chính liên quan đến đề tài theo quy định;

g) Tổ chức quản lý, khai thác kết quả của đề tài và được hưởng các quyền lợi từ các hoạt động này theo quy định;

h) Thực hiện việc công bố, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của đề tài theo quy định;

i) Thực hiện đăng ký lưu trữ kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia theo quy định;

k) Báo cáo, trả lời các khảo sát của Quỹ về phát triển, ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, phát triển của nhóm nghiên cứu tham gia đề tài và các thông tin liên quan khác, phục vụ đánh giá hiệu quả và hoạch định chương trình tài trợ của Quỹ.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này không được đăng ký làm tổ chức chủ trì các đề tài do Quỹ tài trợ trong thời gian 01 năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 21. Trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài

1. Tổ chức triển khai đề tài theo hợp đồng đã được ký kết.
2. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của hợp đồng; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí của đề tài theo đúng các quy định hiện hành.
3. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện đề tài theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo về tình hình nghiên cứu, thực hiện đề tài, sử dụng kinh phí, kết quả đề tài theo quy định của Quỹ.
4. Phối hợp với tổ chức chủ trì đề tài thực hiện đăng ký lưu trữ kết quả nghiên cứu đề tài tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia theo quy định.
5. Chủ nhiệm đề tài và các thành viên nghiên cứu chịu trách nhiệm về nội dung công bố kết quả nghiên cứu của đề tài theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 2 năm 2015, thay thế cho Quy định về việc tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQLQ ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng quản lý Quỹ và Quy định về việc tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học xã hội và nhân văn do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQLQ ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Đối với các đề tài do Quỹ phê duyệt danh mục tài trợ trước ngày có hiệu lực của Thông tư này tiếp tục thực hiện theo Quy định về việc tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQLQ ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng quản lý Quỹ và Quy định về việc tổ chức thực hiện đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học xã hội và nhân văn do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQLQ ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Ủy Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Lưu: VT, NAFOSTED.



Nguyễn Quân